

Số 93/2026/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 09 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 165/2025/TLST- HNGĐ ngày 22/5/2026 về Xin ly hôn, nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh ngày 29/09/1992;

Số CCCD số: 0370920004xx cấp ngày 13/8/2021 của Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: xóm E, xã K, tỉnh Ninh Bình;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05/04/1993;

Số CCCD số: 0191930001xx cấp ngày 14/05/2026 của Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: xóm E, xã K, tỉnh Ninh Bình;

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn M và chị Nguyễn Thị Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn M và chị Nguyễn Thị Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên thuận tình ly hôn.

Về con: Anh Đỗ Văn M và chị Nguyễn Thị Y có 03 con chung là cháu Đỗ Quốc A, sinh ngày 08/11/2014; cháu Đỗ Quốc B, sinh ngày 14/11/2017 và cháu Đỗ Trọng N, sinh ngày 03/10/2022. Khi ly hôn anh M và chị Y thống nhất thỏa thuận giao cháu Quốc A và cháu Quốc B cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Đỗ Trọng N cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.
Về con riêng: Không ai có con riêng.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn M và chị Nguyễn Thị Y không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Đỗ Văn M và chị Nguyễn Thị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Đỗ Văn M và chị Nguyễn Thị Y **thống nhất thỏa thuận anh M nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)** được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26 số 3774 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh M được hoàn trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1).
- VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).
- THADS tỉnh Ninh Bình. (1).
- UBND xã K;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy